TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÂM ĐỒNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 19-9-2025
V/v: ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân;

2. Bà Nguyễn Thị Thùy.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Rung K'Nhuận – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc: *"Ly hôn; tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST– HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Cẩm T, sinh năm 2003.

Địa chỉ: thôn H, xã N, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Vi Q, sinh năm 2000.

Nơi đăng ký HKTT: thôn H, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang chấp hành án tại: Đ, phân trại số A, Trại Giam A1, xã D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nguyên đơn chị Nguyễn Cẩm T trình bày thì:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2022, chị và anh Q xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/8/2022 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh

sống và làm việc tại thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn về sống chung với nhau cuộc sống vợ chồng chị hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2023 thì vợ chồng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xô xát nhau; anh Q chơi bời, không chăm lo làm ăn kinh tế. Đến năm 2024, anh Q vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị cũng cố gắng hàn gắn tình cảm với anh Q nhưng không thể được. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cứu vãn được, chị xác định không còn tình cảm với anh Q, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tiếp tục kéo dài chỉ khiến cả hai mệt mỏi. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 (một) con chung là Đặng Ngọc Khánh A, sinh ngày 03/02/2023. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Đặng Vi Q trình bày tại bản tự khai ngày 01/8/2025 thì:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Cẩm T xây dựng gia đình với nhau năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng năm 2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì anh đi chấp hành án. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn, chị T vẫn thường đến trại giam thăm anh. Nay, chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm, anh thương chị T rất nhiều, vợ chồng không có mâu thuẫn gì.

Về con chung: anh và chị T có một con chung là Đặng Ngọc Khánh A, sinh ngày 03/02/2023. Vì không đồng ý ly hôn nên không muốn đề cập đến việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị T sẽ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị T không có nợ chung.

Ngoài ra, anh Q không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng vắng mặt một bên đương sự nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp

hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Cẩm T, xử cho chị Nguyễn Cẩm T được ly hôn với anh Đặng Vi Q. Về con chung, đề nghị giao con chung là Đặng Ngọc Khánh A, sinh ngày 03/02/2023 cho chị Nguyễn Cẩm T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đặng Vi Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: buộc chị Nguyễn Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn anh Đặng Vi Q cư trú tại: thôn H, xã N, tỉnh Lâm Đồng (nay là thôn H, xã N, tỉnh Lâm Đồng) nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Cẩm T và anh Đặng Vi Q xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 10/8/2022 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo kết quả xác minh thì quá trình chung sống, vợ chồng anh Q, chị T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q thiếu sự quan tâm, chăm sóc cho vợ con; anh Q còn nghiện ma túy. Năm 2024, anh Q phạm tội: *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* bị Tòa án xử phạt 07 năm tù. Sau khi anh Q đi chấp hành án thì chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ để ở. Trong lời khai, anh Q không đồng ý ly hôn với chị T, lý do anh Q đưa ra là: vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh vẫn còn tình cảm với chị T. Tuy nhiên, chị T vẫn cương quyết ly hôn, vì vậy nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Q là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị T và anh Q xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Đặng Ngọc Khánh A, sinh ngày 03/02/2023. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy, hiện con chung còn nhỏ tuổi, anh Q lại đang phải chấp hành án một thời gian dài nên cần giao con chung tên là Đặng Ngọc Khánh A, sinh ngày 03/02/2023 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T, anh Q xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị T, anh Q xác định vợ chồng không có nợ chung nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Cẩm T, xử cho chị Nguyễn Cẩm T được ly hôn với anh Đặng Vi Q.

2. Giao con chung tên Đặng Ngọc Khánh A, sinh ngày 03/02/2023 cho chị Nguyễn Cẩm T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đặng Vi Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Cẩm T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000058 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị Nguyễn Cẩm T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh